

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO  
SAMMĀSAMBUDDHASSA**



**BÀI GIẢNG VỀ**  
**NGUYÊN CHẤT NGŨ**  
**DHĀTUKATHĀ**

**Room Daltalk: PhatgiaonamtruyenNT**

**THỜI GIAN: 15/12/2023 - 28/06/2024**

**GIẢNG SƯ: THẦY KING MILANDA – FB ĐẶNG KING MILANDA**

**Trình bày sơ đồ: FB ChauNguyen**

## NGUYÊN CHẤT NGŨ DHĀTUKATHĀ

### NỘI PHẦN ĐỀ

|                    |                          |
|--------------------|--------------------------|
| Ngũ uẩn            | - PAÑCAKKHANDHĀ          |
| Thập nhị xứ        | - DVĀDASĀYATANĀNI        |
| Thập bát giới      | - AṬṬHĀRASA DHĀTUYO      |
| Tứ đế              | - CATTĀRI SACCĀNI        |
| Nhị thập nhị quyền | - BĀVĪSATINDRIYĀNI       |
| Y tương sinh       | - PAṬICCASAMUPPĀDO       |
| Tứ niệm xứ         | - CATTĀRO SATIPAṬṬHĀNĀ   |
| Tứ chánh cần       | - CATTĀRO SAMMAPPADHĀNĀ  |
| Tứ thần túc        | - CATTĀRO IDDHIPĀDĀ      |
| Tứ thiền           | - CATTĀRI JHĀNĀNI        |
| Tứ vô lượng tâm    | - CATASSO APPAMAÑÑĀYO    |
| Ngũ quyền          | - PAÑCINDRIYĀNI          |
| Ngũ lực            | - PAÑCABALĀNI            |
| Thất giác chi      | - SATTA BOJJHAṆGĀ        |
| Bát chi thánh đạo  | - ARIYO AṬṬHANGIKO MAGGO |
| Xúc                | - PHASSO                 |
| Thọ                | - VEDANĀ                 |
| Tưởng              | - SAÑÑĀ                  |
| Tư                 | - CETANĀ                 |
| Tâm                | - CITTA                  |
| Thắng giải         | - ADHIMOKKHA             |
| Tác ý              | - MANASIKĀRA             |

### NGOẠI PHẦN ĐỀ

Toàn bộ Pháp tụ - DHAMMASAṄGAṆI đều là đầu đề -  
MĀTIKĀ của Bộ Chất ngữ - DHĀTUKATHĀ

## NGUYÊN CHẤT NGŨ - DHĀTUKATHĀ

DHĀTU: nguyên chất, bản chất tự nhiên, xá lợi, căn nguyên của một từ, một tiếng nói ...

KATHĀ: giải về bản chất, diễn từ, thuật chuyện, nói chuyện

### NỘI PHẦN ĐỀ

Có 105 pháp

|                                                                                                                           |                                                                                                     |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>★ 5 uẩn</li> <li>★ 12 xứ</li> <li>★ 18 giới</li> <li>★ 4 đế</li> </ul> <p>= 39</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>★ 22 quyền</li> <li>★ 28 y tương sinh</li> </ul> <p>= 50</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>★ Tứ niệm xứ</li> <li>★ Tứ chánh cần</li> <li>★ Tứ như ý túc</li> <li>★ Tứ thiền</li> <li>★ Tứ vô lượng tâm</li> </ul> <p>= 5</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>★ Ngũ căn</li> <li>★ Ngũ lực</li> <li>★ Thất giác chi</li> <li>★ Bát Chánh đạo</li> </ul> <p>= 4</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>★ Xúc</li> <li>★ Thọ</li> <li>★ Tưởng</li> <li>★ Tư</li> <li>★ Tâm</li> <li>★ Thắng giải</li> <li>★ Tác ý</li> </ul> <p>= 7</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### 28 Y TƯƠNG SINH

|                                 |                    |                 |                     |                         |              |        |        |
|---------------------------------|--------------------|-----------------|---------------------|-------------------------|--------------|--------|--------|
| 1/ Vô minh                      | 2/ Hành do Vô minh | 3/ Thức do Hành | 4/ Danh sắc do Thức | 5/ Lục nhập do Danh sắc |              |        |        |
| 6/ Xúc do Lục nhập              | 7/ Thọ do Xúc      | 8/ Ái do Thọ    | 9/ Thủ do Ái        | 10/ Nghiệp Hữu do Thủ   | 11/ Sanh hữu |        |        |
| 12/ Dục hữu                     | 13/ Tưởng hữu      | 14/ Ngũ uẩn hữu | 15/ Sắc hữu         | 16/ Vô sắc hữu          |              |        |        |
| 17/ Phi tưởng phi phi tưởng hữu |                    | 18/ Tứ uẩn hữu  | 19/ Vô tướng hữu    | 20/ Nhứt uẩn hữu        |              |        |        |
| 21/ Sanh                        | 22/ Lão            | 23/ Tử          | 24/ Sầu             | 25/ Bi                  | 26/ Khổ      | 27/ Ưu | 28/ Ai |

## NGŨ UẨN PAÑCAKKHANDHĀ

Xiển minh, câu yếu hiệp và bất yếu hiệp -  
SAṄGAHĀSAṄGAHAPADANIDDESO

Saṅgaho: gồm là ..., thành là..., được là ... yếu hiệp

Asaṅgaho: Bất yếu hiệp: không gồm được, không thành được

Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

### HỮU PHÂN

#### A. Nhứt uẩn:

#### 1/ Sắc uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn là Sắc uẩn
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ ý giới, 6 ý thức giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: Ý xứ
- + Giới: 7 giới (gồm ý giới, 6 ý thức giới)

#### 2/ Thọ uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn là Thọ uẩn
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới (trừ Pháp giới)

#### 3/ Tưởng uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn là Tưởng uẩn
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới (trừ Pháp giới)

#### **4/ Hành uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn là Hành uẩn
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới (trừ Pháp giới)

#### **5/ Thức uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn là Thức uẩn (89 hoặc 121 tâm)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (gồm ý giới, 6 ý thức giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ 7 giới)

22.12.2023

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/888877285874098>

#### **B. Nhị uẩn:**

**lấy Sắc làm gốc, Thọ Tưởng Hành Thức làm ngọn  
2 uẩn Yếu hiệp, Bất yếu hiệp**

#### **1/ Sắc uẩn và Thọ uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Thọ uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ Ý giới, 6 ý thức giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (Ý giới, 6 ý thức giới)

#### **2/ Sắc uẩn và Tưởng uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

##### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Tưởng uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ Ý giới, 6 ý thức giới)

##### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (Ý giới, 6 ý thức giới)

### **3/ Sắc uẩn và Hành uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ Ý giới, 6 ý thức giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (Ý giới, 6 Ý thức giới)

### **4/ Sắc uẩn và Thức uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 0
- + Giới: 0

## **C. Tam uẩn:**

### **1/ Sắc, Thọ và Tưởng uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ Ý giới, 6 ý thức giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (Ý giới, 6 Ý thức giới)

### **2/ Sắc, Thọ và Hành uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Sắc, Thọ, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ Ý giới, 6 ý thức giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (Ý giới, 6 Ý thức giới)

### **3/ Sắc, Thọ và Thức uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Sắc, Thọ, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 0
- + Giới: 0

#### D. Tứ uẩn:

##### 4 uẩn Yếu hiệp, Bất yếu hiệp

###### 1/ Sắc, Thọ, Tưởng và Hành uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

###### Yếu hiệp:

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới (trừ Ý giới, 6 ý thức giới)

###### Bất Yếu hiệp:

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 giới (Ý giới, 6 Ý thức giới)

###### 2/ Sắc, Thọ, Tưởng và Thức uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

###### Yếu hiệp:

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

###### Bất Yếu hiệp:

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)
- + Xứ: 0
- + Giới: 0

#### E. Năm uẩn:

##### 5 uẩn Yếu hiệp, Bất yếu hiệp

###### Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

###### Yếu hiệp:

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

###### Bất Yếu hiệp:

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

#### VÔ PHÂN

###### Ngũ uẩn yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

Yếu hiệp: 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới

Bất Yếu hiệp: không có

05.01.2024

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/347743081301192>

**THẬP NHỊ XỨ**  
**DVĀDASĀYATANĀNI**

**1/ Nhãn xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Nhãn xứ)
- + Giới: 1 giới (Nhãn giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

**2/ Nhĩ xứ, Tỷ xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, Sắc xứ, Tinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (với chính nó)
- + Giới: 1 giới (với chính nó)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

**3/ Ý xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 thức giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 11 giới còn lại

**4/ Pháp xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn - Niết bàn là ngoại uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

**5/ Nhãn xứ và Nhĩ xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ, Nhĩ xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới, Nhĩ giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**6/ Nhãn xứ và Tỷ xứ, Nhãn xứ và Thiết xứ, Nhãn xứ và Thân xứ, Nhãn xứ và Tinh xứ, Nhãn xứ và Khí xứ, Nhãn xứ và Vị xứ, Nhãn xứ và Xúc xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (2 xứ tương ứng)
- + Giới: 2 giới (2 giới tương ứng)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**7/ Nhãn xứ và Ý xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc uẩn, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ, Ý xứ)
- + Giới: 8 giới (Nhãn giới, 7 thức giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

**8/ Nhãn xứ và Pháp xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn - Niết bàn là ngoại uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**9/ Thập nhị xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

12.01.2024

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/904374028014239>

**THẬP BÁT GIỚI -  
AṬṬHĀRASA DHĀTUYO**

**1/ Nhãn giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Nhãn xứ)
- + Giới: 1 giới (Nhãn giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Nhãn xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại

**2/ Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới, Thân giới, Sắc giới, Thinh giới, Khí giới, Vị giới, Xúc giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp (tính tổng):**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 9 xứ
- + Giới: 9 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 3 xứ còn lại (gồm Nhãn, Ý, Pháp xứ)
- + Giới: 9 giới còn lại (gồm Nhãn giới, 5 thức giới, Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**2a/ Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 5 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Ý xứ)
- + Giới: 13 giới còn lại (trừ 5 giới)

**2b/ Ý giới, Ý thức giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 2 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Ý xứ)
- + Giới: 16 giới còn lại (trừ 2 giới)

### **3/ Pháp giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn – Niết bàn là Ngoại uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại (trừ Pháp giới)

### **4/ Nhãn giới và Nhĩ giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ & Nhĩ xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới & Nhĩ giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

### **5/ Nhãn giới và Tỷ giới ... Nhãn giới và Thiệt giới ... Nhãn giới và Thân giới ... Nhãn giới và Sắc giới ... Nhãn giới và Thinh giới ... Nhãn giới và Khí giới ... Nhãn giới và Vị giới ... Nhãn giới và Xúc giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (theo cặp tương ứng)
- + Giới: 2 giới (theo cặp tương ứng)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

### **6/ Nhãn giới và Nhãn thức giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc uẩn & Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ & Ý xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới & Nhãn thức giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

### **7/ Nhãn giới và Nhĩ thức giới ... Nhãn giới và Tỷ thức giới ... Nhãn giới và Thiệt thức giới ... Nhãn giới và Thân thức giới ... Nhãn giới và Ý giới ... Nhãn giới và Ý thức giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc uẩn & Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ & Ý xứ)
- + Giới: 2 giới (cặp tương ứng)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**8/ Nhãn giới và Pháp giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn – Niết bàn là Ngoại uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại (trừ Nhãn xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 16 giới còn lại (trừ Nhãn giới, Pháp giới)

**9/ Thập bát giới yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn – Niết bàn là Ngoại uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

19.01.2024

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/341608225495508>

**TỨ DIỆU ĐỂ -  
CATTĀRI SACCĀNI**

**1/ Khổ để yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** 81 tâm Hiệp thể

51 tâm sở (trừ ts Tham)

28 sắc pháp

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**2/ Tập để, Đạo để yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** + Tập để: ts Tham

+ Đạo để: 8 chi đạo (ts Tuệ quyền, ts Tầm, 3ts Giới phần, ts Niệm, ts Cần, ts Nhất hành)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại (trừ Pháp giới)

**3/ Diệt để yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** Niết bàn

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn, Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại (trừ Pháp giới)

**4/ Khổ để và Tập để yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** 81 tâm Hiệp thể

52 tâm sở

28 sắc pháp

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**5/ Khổ đế và Đạo đế yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thể, 51 tâm sở (trừ ts Tham), 28 sắc pháp  
+ Đạo đế: 8 chi đạo (ts Tuệ quyền, ts Tầm, 3ts Giới phần, ts Niệm, ts Cần, ts Nhất hành)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**6/ Khổ đế và Diệt đế yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thể, 51 tâm sở (trừ ts Tham), 28 sắc pháp  
+ Diệt đế: Niết bàn

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn, Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**7/ Khổ đế, Tập đế và Đạo đế yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thể, 51 tâm sở (trừ ts Tham), 28 sắc pháp  
+ Tập đế: ts Tham  
+ Đạo đế: 8 chi đạo (ts Tuệ quyền, ts Tầm, 3ts Giới phần, ts Niệm, ts Cần, ts Nhất hành)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**8/ Khổ đế, Tập đế và Diệt đế yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:** + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thể, 51 tâm sở (trừ ts Tham), 28 sắc pháp  
+ Tập đế: ts Tham  
+ Diệt đế: Niết bàn

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn, Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**9/ Khổ đế, Tập đế, Đạo đế và Diệt đế** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

**CHI PHÁP:** + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thế, 51 tâm sở (trừ ts Tham), 28 sắc pháp  
+ Tập đế: ts Tham  
+ Đạo đế: 8 chi đạo (ts Tuệ quyền, ts Tầm, 3ts Giới phần, ts Niệm, ts Cần, ts Nhất hành)  
+ Diệt đế: Niết bàn

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn, Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**10/ Tứ đế** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới

**CHI PHÁP:** + Khổ đế: 81 tâm Hiệp thế, 51 tâm sở (trừ ts Tham), 28 sắc pháp  
+ Tập đế: ts Tham  
+ Diệt đế: Niết bàn  
+ Đạo đế: 8 chi đạo (ts Tuệ quyền, ts Tầm, 3ts Giới phần, ts Niệm, ts Cần, ts Nhất hành)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn, Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**NHỊ THẬP NHỊ QUYỀN -  
BĀVĪSATINDRIYĀNI**

**22 quyền:**

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiết, Thân quyền

Khổ, Lạc, Hỷ, Ưu, Xả quyền

Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ quyền

Nam, Nữ quyền

Mạng quyền, Ý quyền (89 tâm)

Vị tri quyền (trí tuệ bậc Tu đà hườn), Dĩ tri

quyền (trí tuệ bậc đã chứng), Cụ tri quyền (trí

tuệ bậc Alahan)

**1/ Nhãn quyền (thần kinh Nhãn) yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Nhãn xứ)
- + Giới: 1 giới (Nhãn giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Nhãn xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại (trừ Nhãn giới)

**2/ Nhĩ, Tỷ, Thiết, Thân quyền, Nam quyền, Nữ quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

- + Thuộc Sắc thần kinh: Nhĩ, Tỷ, Thiết, Thân quyền
- + Thuộc Trạng thái: Nam quyền, Nữ quyền

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (xứ tương ứng và Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (giới tương ứng và Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại (trừ xứ tương ứng và Pháp xứ)
- + Giới: 16 giới còn lại (trừ giới tương ứng và Pháp giới)

**3/ Ý quyền (89 hay 121 tâm) yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 thức giới (ngũ song thức, ý giới, ý thức giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Ý xứ)
- + Giới: 11 giới còn lại (trừ 7 thức giới)

**4/ Mạng quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**  
Mạng quyền: gồm Danh mạng quyền (ts Mạng quyền) và Sắc mạng quyền

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại (trừ Pháp giới)

**5/ Nhóm 1: Khổ, Lạc, Hỷ, Ưu, Xả quyền**

**Nhóm 2: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ quyền**

**Nhóm 3: Vị tri quyền, Dĩ tri quyền, Cụ tri quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

Khổ, Lạc, Hỷ, Ưu, Xả quyền (ts Thọ)/ Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ quyền

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn tương ứng (Thọ uẩn - nhóm 1; Hành uẩn - nhóm 2&3)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (trừ uẩn tương ứng theo nhóm)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại (trừ Pháp giới)

01.03.2024 <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/2064669307233493>

**6/ Nhân quyền & Nhĩ quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhân, Nhĩ xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhân, Nhĩ giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**7/ Nhân quyền & Tỷ quyền, Nhân quyền & Thiết quyền, Nhân quyền & Thân quyền, Nhân quyền & Nữ quyền, Nhân quyền & Nam quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

Thuộc Sắc thần kinh: Nhĩ, Tỷ, Thiết, Thân quyền

Thuộc trạng thái: Nam, Nữ quyền

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhân xứ & Tỷ xứ, Nhân xứ & Thiết xứ,..., Nhân xứ & Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhân giới & Tỷ giới, Nhân giới & Thiết giới,..., Nhân giới & Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**8/ Nhãn quyền (sắc thần kinh nhãn) & Ý quyền (121 tâm) yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ, Ý xứ)
- + Giới: 8 giới (Nhãn giới, Ngũ song thức, Ý giới, Ý thức giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

**9/ Nhãn quyền & Mạng quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới Nhãn quyền (Sắc) và Mạng quyền (Danh & Sắc)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Sắc và Hành uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**10/ có 3 nhóm: yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới:**

**Nhóm 1: Nhãn quyền & Lạc quyền, Nhãn quyền & Khổ quyền, Nhãn quyền & Hỷ quyền, Nhãn quyền & Ưu quyền, Nhãn quyền & Xả quyền**

**Nhóm 2: Nhãn quyền & Tín quyền, Nhãn quyền & Tấn quyền, Nhãn quyền & Niệm quyền, Nhãn quyền & Định quyền, Nhãn quyền & Tuệ quyền**

**Nhóm 3: Nhãn quyền & Vị tri quyền, Nhãn quyền & Dĩ tri quyền, Nhãn quyền & Cự tri quyền**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn tương ưng (Sắc & Thọ uẩn - nhóm 1; Sắc & Hành uẩn - nhóm 2&3)
- + Xứ: 2 xứ (Nhãn xứ & Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Nhãn giới & Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Tưởng, Hành, Thức uẩn – nhóm 1; Thọ, Tưởng, Thức – nhóm 2)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**11/ Nhị thập Nhị quyền yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân quyền (Sắc); Khổ, Lạc, Hỷ, Ưu, Xả quyền (Thọ); Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ quyền (Hành); Nam, Nữ quyền (Sắc); Mạng quyền (Danh & Sắc), Ý quyền (Thức); Vị tri quyền, Dĩ tri quyền, Cự tri quyền (Hành)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 7 xứ (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý & Pháp xứ)
- + Giới: 13 giới (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới, 7 thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Tưởng uẩn)
- + Xứ: 5 xứ còn lại
- + Giới: 5 giới còn lại

**28 Y TƯƠNG SINH -  
PAṬICCASAMUPPĀDO**

**28 Y tương sinh:**

|                                 |                       |
|---------------------------------|-----------------------|
| 1/ Vô minh                      | 2/ Hành do Vô minh    |
| 3/ Thức do Hành                 | 4/ Danh sắc do Thức   |
| 5/ Lục nhập do Danh sắc         | 6/ Xúc do Lục nhập    |
| 7/ Thọ do Xúc                   | 8/ Ái do Thọ          |
| 9/ Thủ do Ái                    | 10/ Nghiệp Hữu do Thủ |
| 11/ Sanh hữu                    | 12/ Dục hữu           |
| 13/ Tưởng hữu                   | 14/ Ngũ uẩn hữu       |
| 15/ Sắc hữu                     | 16/ Vô sắc hữu        |
| 17/ Phi tưởng phi phi tưởng hữu |                       |
| 18/ Tứ uẩn hữu                  | 19/ Vô tưởng hữu      |
| 20/ Nhứt uẩn hữu                |                       |
| 21/ Sanh                        | 22/ Lão               |
| 24/ Sầu                         | 25/ Bi                |
| 27/ Ưu                          | 28/ Ai                |
| 23/ Tử                          | 26/ Khổ               |

**1/ Vô minh yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

CHI PHÁP: tâm sở Si

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại

**2/ Hành do Vô minh yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

CHI PHÁP: tâm sở Tư hiệp với Tâm bất thiện và tâm thiện Hiệp thế

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại (trừ Pháp xứ)
- + Giới: 17 giới còn lại

**3/ Thức do Hành trợ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

- + Thức thời tục sinh: 19 tâm quả tục sinh (2 quan sát, 8 quả thiện DG, 5 quả SG, 4 quả VSG)
- + Thức thời bình nhật: 121 tâm

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 thức giới (Ngũ song thức, Ý giới, Ý thức giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 11 giới còn lại

**4/ Danh Sắc do Thức trợ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**  
**CHI PHÁP:**

**+ Thời tục sinh: 35 tâm sở + 18 sắc nghiệp do Thức trợ cho danh và Sắc**

- Có 19 thức tái tục

- Thức duyên cho Danh (35 tâm sở): Thọ, Tưởng, Hành

- Thức trợ cho Sắc: 18 sắc nghiệp (8 sắc bất ly, 5 thần kinh, 2 sắc tính, sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc hư không)

**+ Thời bình nhật: 52 tâm sở + 28 sắc pháp**

**a/ Thời tục sinh: 35 tâm sở + 18 sắc nghiệp**

**Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng và Hành uẩn)

+ Xứ: 10 xứ (9 xứ thô (trừ Thinh xứ) và Pháp xứ)

+ Giới: 10 giới (9 giới thô (trừ Thinh giới) và Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)

+ Xứ: 2 xứ (gồm Thinh xứ và Ý xứ)

+ Giới: 8 giới còn lại

**b/ Thời bình nhật: 52 tâm sở + 28 sắc pháp**

**Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 4 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng và Hành uẩn)

+ Xứ: 11 xứ (trừ Ý xứ)

+ Giới: 11 giới (10 giới thô và Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 1 uẩn còn lại (Thức uẩn)

+ Xứ: 1 xứ (Ý xứ)

+ Giới: 7 giới còn lại

**5/ Lục nhập do Danh sắc trợ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**  
**CHI PHÁP: 5 sắc thần kinh + 121 tâm**

**Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 2 uẩn (gồm Sắc, Thức uẩn)

+ Xứ: 6 xứ (gồm 5 xứ thô, Ý xứ)

+ Giới: 12 giới (gồm 5 giới thô, Ngũ song thức, Ý giới, Ý thức giới)

**Bất Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 3 uẩn còn lại (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)

+ Xứ: 6 xứ còn lại

+ Giới: 6 giới còn lại

15.03.2024 <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/978795100436409>

**Từ 6 đến 10: Xúc do Lục nhập, Thọ do Xúc , Ái do Thọ, Thủ do Ái, Nghiệp Hữu do Thủ trợ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

Xúc do Lục nhập: là tâm sở Xúc hợp với 32 tâm quả Hiệp thế hoặc 121 tâm

Thọ do Xúc: là tâm sở Thọ hợp với 32 tâm quả Hiệp thế hoặc 121 tâm

Ái do duyên Thọ: là tâm sở Tham

Thủ do duyên Ái: là tâm sở Tham + ts Tà kiến

Nghiệp Hữu do duyên Thủ: là tâm sở Tư hợp với tâm Bất thiện và tâm Thiện Hiệp thế

**Tâm sở Xúc, tâm sở Thọ, tâm sở Tham, tâm sở Tà kiến, tâm sở Tư: 5 TÂM SỞ**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Hành uẩn hoặc Thọ uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Tưởng, Hành/hoặc Thọ, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

**Từ 11 đến 14: Sanh hữu, Dục hữu, Tưởng hữu, Ngũ uẩn hữu yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

Sanh hữu: 32 tâm quả Hiệp thế, 35 tâm sở hợp, 20 sắc nghiệp

Dục hữu: 23 tâm quả DG, 35 tâm sở hợp, 20 sắc nghiệp

Tưởng hữu: 31 tâm quả Hiệp thế (trừ quả PTPPT), 35 tâm sở hợp, 20 sắc nghiệp

Ngũ uẩn hữu: 28 tâm quả (trừ 4 quả VS), 35 tâm sở hợp, 20 sắc nghiệp

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ (trừ Thinh xứ)
- + Giới: 17 giới (trừ Thinh giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 1 xứ còn lại
- + Giới: 1 giới còn lại

**15/ Sắc hữu (sinh về cõi Sắc giới) yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

**5 tâm quả SG, 35 tâm sở hợp, 15 sắc nghiệp (8 sắc bất ly, 2 sắc thần kinh nhãn - nhĩ, sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc hư không, sinh, tiến), nhãn thức, nhĩ thức, tiếp thân, quan sát.**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 5 xứ (Nhãn, Nhĩ, Sắc, Ý và Pháp xứ)
- + Giới: 8 giới (Nhãn, Nhĩ, Sắc giới, Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Ý giới, Ý thức giới và Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 7 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

**Từ 16 đến 18: Vô sắc hữu, Phi tướng phi phi tướng hữu, Tứ uẩn hữu yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

Vô sắc hữu, Tứ uẩn hữu: 4 tâm quả VS, 30 tâm sở hợp

Phi tướng phi phi tướng hữu: tâm quả PTPPT, 30 tâm sở hợp

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (*Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn*)
- + Xứ: 2 xứ (*gồm Ý xứ, Pháp xứ*)
- + Giới: 2 giới (*gồm Ý thức giới, Pháp giới*)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (*Sắc uẩn*)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**19 và 20: Vô tướng hữu, Nhứt uẩn hữu yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP: 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (*Sắc uẩn*)
- + Xứ: 2 xứ (*gồm Sắc xứ, Pháp xứ*)
- + Giới: 2 giới (*gồm Sắc giới, Pháp giới*)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (*Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn*)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

22.03.2024 <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/1097021628295704>

**Từ 21 đến 23: Sanh, Lão, Tử yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

Sanh: sự Sanh ra Tứ danh uẩn và Sắc nghiệp

Lão: sát na Trụ của Tứ danh uẩn và Sắc nghiệp

Tử: sát na Diệt của Tứ danh uẩn và Sắc nghiệp

**Chỉ lấy được Danh mạng quyền và Sắc mạng quyền**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (*gồm Sắc, Hành uẩn*)
- + Xứ: 1 xứ (*Pháp xứ*)
- + Giới: 1 giới (*Pháp giới*)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (*Thọ, Tưởng, và Thức uẩn*)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

**Ghi chú:** Chi pháp của Sanh, Lão, Tử là Tứ danh uẩn và Sắc nghiệp nhưng khi nhấn mạnh đến khía cạnh Sanh, Lão, Tử của Danh Sắc thì chỉ nói đến Mạng quyền tức là Danh mạng quyền và Sắc mạng quyền.

**Từ 24 đến 28: Sầu, Bi (khóc), Khổ, Ưu, Ai yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**Sầu: tâm sở Thọ hiệp 2 tâm sân - Yếu hiệp: Thọ uẩn, Pháp xứ, Pháp giới**

Sự sầu muộn, sự buồn rầu, thái độ buồn rầu, buồn bực bên trong, não nề trong lòng, đốt lòng, ưu bi, bị tên sầu khi gặp nỗi khổ nào đó, khi xảy đến điều suy vong nào đó như gặp suy vong Thân quyến hoặc gặp sự suy vong Tài sản, hoặc gặp sự suy vong Bệnh tật, hoặc gặp sự suy vong Giới hạnh, hay gặp sự suy vong Tri kiến. **Đây gọi là Sầu.**

**Bi (khóc): sắc cảnh Thịnh - Yếu hiệp: Sắc uẩn, Thịnh xứ, Thịnh giới**

Sự khóc lóc, khóc kể, khóc than, la khóc, thái độ khóc than, thái độ la khóc, sự phát ngôn, kể lể, kêu gào, thút thít, than van, thái độ than van khi gặp nỗi khổ nào đó, khi xảy đến điều suy vong Tài sản, hoặc gặp suy vong Tật bệnh, hoặc gặp suy vong Giới hạnh, hay gặp suy vong Tri kiến.

**Đây gọi là Bi.**

**Khổ: tâm sở Thọ hiệp tâm Thân thức thọ khổ - Yếu hiệp: Thọ uẩn, Pháp xứ, Pháp giới**

Sự bất an thuộc về thân, sự đau đớn thuộc về thân, tình trạng cảm thọ bất an đau đớn sanh từ thân xúc, sự cảm giác bất an đau đớn sanh từ Thân xúc. **Đây gọi là Khổ.**

**Ưu: tâm sở Thọ hiệp với 2 tâm sân - Yếu hiệp: Thọ uẩn, Pháp xứ, Pháp giới**

Sự bất an thuộc về tâm, sự đau đớn thuộc về tâm, tình trạng cảm thọ bất an đau đớn sanh từ tâm xúc, sự cảm giác bất an đau đớn sanh từ tâm xúc.

**Đây gọi là Ưu.**

**Ai: tâm sở Sân hiệp với 2 tâm sân - Yếu hiệp: Hành uẩn, Pháp xứ, Pháp giới**

Sự bi ai, sự ai oán, thái độ bi ai, thái độ ai oán khi gặp nỗi khổ nào đó, khi xảy đến điều suy vong nào đó, như gặp suy vong Thân quyến, hoặc gặp suy vong Tài sản hoặc gặp suy vong Bệnh tật, hoặc gặp suy vong Giới hạnh hay gặp sự suy vong Tri kiến. **Đây gọi là Ai.**

29.03.2024 <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/358367313184473>

**Tứ Niệm Xứ**  
**CATTĀRO SATIPAṬṬHĀNĀ**

**Tứ niệm xứ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP: tâm sở Niệm hợp trong tâm Siêu thế**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

## Tứ Chánh Cần CATTĀRO SAMMAPPADHĀNĀ

**Tứ Chánh Cần** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới  
CHI PHÁP: tâm sở Cần hợp trong tâm Siêu thế

### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

## Tứ Thần Túc CATTĀRO IDDHIPĀDĀ

**Tứ Thần Túc** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới  
CHI PHÁP: **Dục** = tâm sở Dục, **Cần** = tâm sở Cần, **Tâm** = tâm Đạo, **Thẩm** = tâm sở Tuệ quyền hợp trong tâm Đạo

### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Hành và Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Ý thức giới, Pháp giới)

### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

## Tứ Thiền CATTĀRI JHĀNĀNI

**Tứ Thiền** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới  
CHI PHÁP: tâm sở Tầm, tâm sở Tứ, tâm sở Hỷ, tâm sở Thọ, tâm sở Định, tâm sở Hành xả

### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn (Thọ và Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn còn lại (Sắc, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

Tứ vô lượng tâm  
CATASSO APPAMAÑÑĀYO

Ngũ quyền  
PAÑCINDRIYĀNI

Ngũ lực  
PAÑCABALĀNI

Thất giác chi  
SATTA BOJJHAṆĀ

Bát chi thánh đạo - ARIYO  
AṬṬHANGIKO MAGGO

Xúc - PHASSO, Thọ - VEDANĀ, Tưởng - SAÑÑĀ, Tư - CETATĀ, Thắng giải - ADHIMOKKHA, Tác ý - MANASIKĀRA

*Tứ vô lượng tâm, Ngũ quyền, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chi thánh đạo, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Thắng giải, Tác ý yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới*

**CHI PHÁP:** **Tứ vô lượng tâm:** Từ (tâm sở Vô sân), Bi + Hỷ (2 tâm sở Vô lượng phần), Xả (tâm sở Hành xả)

**Ngũ quyền, Ngũ lực:** Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ quyền

**Thất giác chi:** Niệm (tâm sở Niệm), Trạch (tâm sở Tuệ quyền), Tấn (tâm sở Cần), Hỷ (tâm sở Hỷ), Tịnh (tâm sở Tịnh thân Tịnh tâm), Định (tâm sở Định - Nhất hành), Xả (tâm sở Hành xả)

**Bát chi thánh đạo:** Chánh kiến (tâm sở Tuệ quyền), Chánh Tư duy (tâm sở Tầm), Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng (3 tâm sở Giới phần), Chánh Niệm (tâm sở Niệm), Chánh Tinh tấn (tâm sở Cần), Chánh Định (tâm sở Nhất hành)

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thọ uẩn/ hoặc Tưởng uẩn/ hoặc Hành uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Pháp xứ)
- + Giới: 1 giới (Pháp giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Tưởng, Hành, Thức uẩn/ hoặc Sắc, Thọ, Hành, Thức uẩn/ hoặc Sắc, Thọ, Tưởng, Thức uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

### **Tâm - CITTA**

*Tâm yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới*

#### **Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Thức uẩn)
- + Xứ: 1 xứ (Ý xứ)
- + Giới: 7 thức giới (Ngũ song thức, Ý giới, Ý thức giới)

#### **Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành uẩn)
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 11 giới còn lại

## NGOẠI PHẦN ĐỀ

### ĐẦU ĐỀ TAM

- 1/ Các pháp thiện, Các pháp bất thiện
- 2/ Các pháp Vô ký
- 3/ Các pháp tương ưng Lạc thọ, Các pháp tương ưng Khổ thọ
- 4/ Các pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ
- 5/ Các pháp dị thực Quả
- 6/ Các pháp nhân Dị thực, Các pháp phiền toái cảnh phiền não
- 7/ Các pháp phi dị thực quả phi nhân dị thực
- 8/ Các pháp thành do thủ cảnh thủ
- 9/ Các pháp phi thành do thủ cảnh thủ
- 10/ Các pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ
- 11/ Các pháp phi phiền toái cảnh phiền não.
- 12/ Các pháp hữu Tầm hữu Tứ
- 13/ Các pháp vô Tầm hữu Tứ, Các pháp câu hành Hỷ
- 14/ Các pháp vô Tầm vô Tứ
- 15/ Các pháp câu hành Lạc
- 16/ Các pháp câu hành Xả
- 17/ Các pháp Sơ đạo tuyệt trừ; Các pháp 3 đạo cao tuyệt trừ; Các pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; Các pháp hữu nhân 3 đạo tuyệt trừ; Các pháp nhân sanh tử; Các pháp nhân đến Niết bàn; Các pháp hữu học; Các pháp vô học; Các pháp đáo đại.
- 18/ Các pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao tuyệt trừ; Các pháp hữu nhân phi sơ đạo phi 3 đạo cao tuyệt trừ; Các pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Niết bàn; Các pháp phi hữu học phi vô học.
- 19/ Các pháp hy thiếu
- 20/ Các pháp vô lượng; Các pháp tinh lương
- 21/ Các pháp biết cảnh hy thiếu
- 22/ Các pháp biết cảnh Đáo đại; Các pháp biết cảnh Vô lượng; Các pháp Ty hạ; Các pháp Tà cho quả nhất định; Các pháp Chánh cho quả nhất định; Các pháp có đạo thành Cảnh; Các pháp có đạo thành Nhân; Các pháp có đạo thành Trưởng.
- 23/ Các pháp trung bình
- 24/ Các pháp bất định
- 25/ Các pháp đang sanh
- 26/ Các pháp chưa sanh
- 27/ Các pháp sẽ sanh
- 28/ Các pháp quá khứ; Các pháp vị lai; Các pháp hiện tại; Các pháp nội phần; Các pháp nội ngoại phần.
- 29/ Các pháp ngoại phần
- 30/ Các pháp biết cảnh quá khứ; Các pháp biết cảnh vị lai.
- 31/ Các pháp biết cảnh Hiện tại; Các pháp biết cảnh Nội phần; Các pháp biết cảnh Ngoại phần; Các pháp biết cảnh nội ngoại phần.
- 32/ Các pháp hữu kiến hữu đối chiếu
- 33/ Các pháp vô kiến hữu đối chiếu
- 34/ Các pháp vô kiến vô đối chiếu

**1/ Các pháp thiện, Các pháp bất thiện yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

- **Pháp thiện:** 37 tâm thiện (8 tâm thiện DGTH, 9 tâm thiện đáo đại, 20 tâm đạo ST) + 38 tâm sở hợp
- **Pháp bất thiện:** 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (gồm Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**2/ Các pháp Vô ký yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

- 32 tâm quả** (15 tâm quả VN, 8 quả DGTH, 9 tâm quả đáo đại) + **20 tâm duy tác** (3 tâm duy tác vô nhân, 8 duy tác DGTH, 9 duy tác đáo đại) + **20 tâm quả Siêu thế** + **38 tâm sở hợp** + **28 sắc pháp** + **Niết bàn**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn), Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**3/ Các pháp tương ưng Lạc thọ, Các pháp tương ưng Khổ thọ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

- **Các pháp tương ưng lạc thọ (có cả hỷ): 63 tâm** (4 tâm tham thọ hỷ, 1 tâm thân thức thọ lạc, 1 tâm quan sát quả thiện hỷ, 1 ưng cúng vi tiểu, 12 tâm DGTH thọ hỷ, 12 tâm SG hỷ, 32 Siêu thế Hỷ) + **46 tâm sở hợp** (13TSTT – ts Thọ, 14TSBT – 4 Sân phần – 1 Hoài nghi, 25TSTH)
- **Các pháp tương ưng khổ thọ: 3 tâm** (2 tâm sân, 1 thân thức thọ khổ) + **21 tâm sở** (13TSTT – ts Thọ, ts Hỷ, 14TSBT – 3 Tham phần – 1 Hoài nghi)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Tưởng, Hành và Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 3 giới (gồm Thân thức giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Sắc, Thọ uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 15 giới còn lại

**4/ Các pháp tương ứng Phi khổ Phi lạc thọ yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

**55 tâm thọ xả** (4 tham xả, 2 si xả, 6 quả BT xả, 6 quả thiện xả, 2 duy tác xả, 12 DGTH xả, 15 đạo đại xả, 8 siêu thế xả) + **46 tâm sở hợp** (52ts trừ ts Thọ, ts Hỷ, 4 sân phần)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 7 giới (gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiết thức giới, Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Sắc, Thọ uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 11 giới còn lại

12.04.2024 <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/443843881482918>

**5/ Các pháp dị thực Quả yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới (dị thực Quả: Quả chín muối do nhân khác thời cho quả)**

**CHI PHÁP:**

**52 tâm quả** (15 tâm quả vô nhân, 8 tâm quả thiện DGTH, 9 tâm quả đạo đại, 20 tâm quả Siêu thế) + **38 tâm sở hợp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 8 giới (gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiết thức, Thân thức giới, Ý giới trừ KNM, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

**6/ Các pháp nhân dị thực, Các pháp phiền toái cảnh phiền nao yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới (nhân dị thực: nhân cho quả khác thời)**

**CHI PHÁP:**

- a/ Các pháp nhân dị thực: **49 tâm** (12 tâm BT, 8 tâm thiện DGTH, 9 tâm thiện đạo đại, 20 tâm đạo siêu thế) + **52 tâm sở hợp**
- b/ Các pháp phiền toái cảnh phiền nao: **12 tâm BT + 27 tâm sở hợp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (gồm Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**7/ Các pháp Phi dị thực Quả Phi Nhân dị thực** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới (**Phi dị thực Quả Phi Nhân dị thực**: không phải là tâm quả dị thực cũng không phải là nhân cho quả khác thời)

CHI PHÁP:

**20 tâm duy tác** (3 tâm duy tác VN, 8 tâm duy tác DGTH, 9 tâm duy tác đáo đại) + **35 tâm sở** (38 tâm sở trừ 3 giới phần) + **28 sắc pháp** + **Niết bàn**

**Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn), Niết bàn là Ngoại uẩn  
+ Xứ: 12 xứ  
+ Giới: 13 giới (18 giới trừ Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới)

**Bất Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 0 uẩn  
+ Xứ: 0 xứ  
+ Giới: 5 giới còn lại (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới)

**8/ Các pháp thành do thủ cảnh thủ** yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới (**pháp thành do thủ cảnh thủ**: các pháp thành tựu do sự chấp thủ và sẽ thành cảnh chấp thủ)

CHI PHÁP:

**32 tâm quả Hiệp thể** (15 tâm quả VN, 8 tâm quả DGTH, 9 tâm quả đáo đại) + **35 tâm sở hợp** (trừ 3 giới phần) + **20 sắc nghiệp** (8 sắc bất ly, 5 sắc thần kinh, 2 sắc tính, sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc hư không, sinh, tiến)

**Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 5 uẩn  
+ Xứ: 11 xứ (trừ Thinh xứ)  
+ Giới: 17 giới (trừ Thinh giới, riêng Ý giới trừ KNM)

**Bất Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 0 uẩn  
+ Xứ: 1 xứ còn lại (Thinh xứ)  
+ Giới: 1 giới còn lại (Thinh giới)

**9/ Các pháp phi thành do thủ cảnh thủ** yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới? (**pháp phi thành do thủ cảnh thủ**: pháp không thành tựu do sự chấp thủ)

CHI PHÁP:

**49 tâm Hiệp thể** (12 tâm BT, 3 tâm duy tác VN, 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm duy tác đáo đại) + **52 tâm sở hợp** + **sắc phi nghiệp** (tứ đại, 4 sắc cảnh giới, sắc vật thực, sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tứ tướng)

**Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 5 uẩn  
+ Xứ: 7 xứ (gồm Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ, Ý xứ, Pháp xứ)  
+ Giới: 8 giới (gồm Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới, Ý giới trừ 2 tâm tiếp đầu, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

+ Uẩn: 0 uẩn  
+ Xứ: 5 xứ còn lại  
+ Giới: 10 giới còn lại

**10/ Các pháp Phi thành do thủ phi cảnh thủ, các pháp phi phiến toái phi cảnh phiến não yếu hiệp, bất yếu hiệp bao nhiêu Uẩn, Xứ, Giới**

**CHI PHÁP:**

**40 tâm Siêu thế + 36 tâm sở hợp (38 tâm sở trừ 2VLP) + Niết bàn**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn), Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (gồm Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**19.04.2024** <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/2216280352048216>

**11/ Các pháp phi phiến toái cảnh phiến não yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

**18 tâm Vô nhân + 51 tâm tịnh hảo Hiệp thế (24 tâm DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG) + 28 sắc pháp + 38 tâm sở Hợp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**12/ Các pháp hữu tầm hữu tứ yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

**55 tâm hữu tầm hữu tứ (11 tâm sơ thiền, 44 tâm DG) + 50 tâm sở hợp (trừ Tầm, Tứ)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 3 giới (gồm Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 15 giới còn lại

**13/ Các pháp vô tầm hữu tứ, Các pháp câu hành Hỷ yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- **Các pháp Vô Tầm Hữu Tứ: 11 tâm Nhị thiền (3 Nhị thiền SG, 8 Nhị thiền ST) + 36 tâm sở hợp (trừ Tầm, Tứ) + 55 chi Tầm hiệp với 55 tâm hữu tầm.**
- **Các pháp câu hành Hỷ: 51 tâm Thọ Hỷ (4 tham hỷ, 1 quan sát hỷ, 1 UCVT hỷ, 12 tâm DGTH Hỷ, 9 tâm thiền SG hỷ: sơ nhị tam thiền, 24 tâm ST Hỷ) + 46 tâm sở hợp (52ts trừ Hỷ, 4 sân phần, Hoài nghi).**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn), Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (gồm Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**14/ Các pháp Vô Tầm Vô Tứ yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- 55 tâm vô tầm vô tứ (NST, 11 tâm Tam thiền, 11 tâm Tứ thiền, 23 tâm Ngũ thiền) + 36 tâm sở hợp (trừ Tầm, Tứ) + 11 chi Tứ hiệp 11 tâm Nhị thiền + 28 sắc pháp + Niết bàn**
- 11 tâm Nhị thiền: vô tầm hữu tứ**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 17 giới (trừ Ý giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 1 giới còn lại (Ý giới)

26.04.2024 <https://www.facebook.com/100009875146564/videos/810931490908372>

**15/ Các pháp câu hành Lạc yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- 63 tâm Hỷ (4 tâm tham hỷ, 1 thân thức thọ lạc, 1 quan sát hỷ, 1 vi tiểu hỷ, 12 tâm DGTH hỷ, 12 tâm SG hỷ, 32 tâm Siêu thế hỷ) + 46 tâm sở hợp (trừ 4 sân phần, 1 hoài nghi, ts thọ)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 3 giới (gồm Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Sắc, Thọ uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 15 giới còn lại

**16/ Các pháp câu hành Xả yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

**55 tâm xả** (4 tâm tham xả, 2 tâm si xả, 14 tâm VN xả, 12 tâm DGTH xả, 3 tâm ngũ thiền SG xả, 12 VSG, 8 tâm ngũ thiền Siêu thế xả) + **46 tâm sở hợp** (trừ ts hỷ, ts thọ, 4 sân phần)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 3 uẩn (Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 7 thức giới (gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 2 uẩn còn lại (Sắc, Thọ uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 11 giới còn lại

**17/ Các pháp sơ đạo tuyệt trừ; Các pháp 3 đạo cao tuyệt trừ; Các pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; Các pháp hữu nhân 3 đạo tuyệt trừ; Các pháp nhân sanh tử; Các pháp nhân đến Nip ban; Các pháp hữu học; Các pháp vô học; Các pháp đáo đại; yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- Các pháp sơ đạo tuyệt trừ: **5 tâm** (4 tham hợp tà, si hoài nghi) + **22 tâm sở hợp** (27ts trừ 4 sân phần, ngã mạn)
- Các pháp 3 đạo cao tuyệt trừ: **7 tâm** (4 tham ly tà, 2 tâm sân, si phóng dật) + **25 tâm sở hợp** (27ts trừ tà kiến, hoài nghi)
- Các pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ: **5 tâm** (4 tham hợp tà, si hoài nghi) + **22 tâm sở hợp** (27ts trừ 4 sân phần, ngã mạn, trừ si hợp với tâm si hoài nghi)
- Các pháp hữu nhân 3 đạo tuyệt trừ: **7 tâm** (4 tham ly tà, 2 tâm sân, si phóng dật) + **25 tâm sở hợp** (27ts trừ tà kiến, hoài nghi, trừ si hợp với tâm si phóng dật)
- Các pháp nhân sanh tử: **28 tâm** (gồm 11 tâm BT trừ si phóng dật, 8 tâm thiện DGTH, 9 tâm thiện đáo đại) + **52 tâm sở**
- Các pháp nhân đến Nip ban: **20 tâm đạo** + **36 tâm sở hợp** (trừ 2VLP)
- Các pháp hữu học: **35 tâm siêu thế** (trừ 5 tâm tứ quả) + **36 ts hợp** (trừ 2VLP)
- Các pháp vô học: **5 tâm Tứ Quả** + **36 tâm sở**
- Các pháp đáo đại: **27 tâm Đáo đại** + **35 tâm sở** (38ts – 3 giới phần)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (gồm Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**18/ Các pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao tuyệt trừ; Các pháp hữu nhân phi sơ đạo phi 3 đạo cao tuyệt trừ; Các pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Nibbāna; Các pháp phi hữu học phi vô học; yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- Các pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao tuyệt trừ: 69 tâm (18 tâm VN, 51 tâm tịnh hảo Hiệp thế) + 38 tâm sở hợp + 28 sắc pháp + Niết bàn.
- Các pháp hữu nhân phi sơ đạo phi 3 đạo cao tuyệt trừ: 69 tâm (18 tâm VN, 51 tâm tịnh hảo Hiệp thế) + 38 tâm sở hợp (trừ Si hợp trong 2 tâm Si) + 28 sắc pháp + Niết bàn.
- Các pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Nibbāna: 73 tâm (tâm si phóng dật, 18 tâm VN, 8 tâm quả DGTH, 8 tâm duy tác DGTH, 5 tâm quả SG, 5 tâm duy tác SG, 4 tâm quả VSG, 4 tâm duy tác VSG, 20 tâm quả siêu thế) + 38 tâm sở + 28 sắc pháp, Niết bàn.
- Các pháp phi hữu học phi vô học: 81 tâm hiệp thế + 52 tâm sở + 28 sắc pháp + Niết bàn.

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn), Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

## NGHĨ THẮNG 5

07.06.2024 - <https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/1147572716485886>

**19/ Các pháp hy thiếu yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

*Hy thiếu: ít ỏi, thưa thớt*

**CHI PHÁP:** lấy pháp thuộc Dục giới

**54 tâm dục giới (12 tâm BT, 18 tâm VN, 24 tâm DGTH) + 52 tâm sở + 28 sắc pháp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**20/ Các pháp vô lượng; Các pháp tinh lương (trừ Niết bàn là vô vi Ngoại uẩn) yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- **Các pháp vô lượng:** 40 tâm Siêu thế + 36 tâm sở hợp + Niết bàn
- **Các pháp tinh lương:** 40 tâm Siêu thế + 36 tâm sở hợp + Niết bàn

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn), Niết bàn là Ngoại uẩn
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (gồm Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**21/ Các pháp biết cảnh hy thiếu yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 55 tâm Dục giới + 2 tâm thông (ngũ thiền SG) + 52 tâm sở hợp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 2 xứ (gồm Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 8 giới (Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới, Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

14.06.2024 - <https://www.facebook.com/100009875146564/videos/1921391965000090>

**22/ Các pháp biết cảnh đáo đại; Các pháp biết cảnh vô lượng; Các pháp ty hạ; Các pháp tà cho quả nhất định; Các pháp chánh cho quả nhất định; Các pháp có đạo thành cảnh; Các pháp có đạo thành nhân; Các pháp có đạo thành trưởng; yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

- **Các pháp biết cảnh đáo đại:** 3 tâm thức vô biên + 3 tâm PTPPT + 2 tâm thông + 1 KYM + 28 tâm đồng lực DG hữu nhân + 47 tâm sở hợp (trừ 3GP, 2 VLP).
- **Các pháp biết cảnh vô lượng:** KYM + 8 đồng lực DGTH tương ưng trí + 2 tâm thông + 40 tâm Siêu thế + 36 tâm sở hợp (trừ 2VLP).
- **Các pháp ty hạ:** 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp.
- **Các pháp tà cho quả nhất định:** tâm đồng lực thứ 7 của 4 tâm Tham tương ưng tà kiến + tâm đồng lực thứ 7 của 2 tâm Sân + 25 sở hữu hợp (27ts – ngã mạn, hoài nghi).
- **Các pháp chánh cho quả nhất định:** 20 tâm Đạo + 36 tâm sở hợp.
- **Các pháp có đạo thành cảnh:** KYM + 8 đồng lực DGTH tương ưng trí + 2 tâm thông + 33 tâm sở hợp (38ts – 3 GP – 2 VLP).
- **Các pháp có đạo thành nhân:** 20 tâm Đạo + 36 tâm sở hợp (38ts – 2VLP).
- **Các pháp có đạo thành trưởng:** 4 tâm đại thiện tương ưng trí + 4 tâm đại tố tương ưng trí + 20 tâm Đạo + 36 tâm sở hợp (38ts – 2VLP).

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (*Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn*).
- + Xứ: 2 xứ (*Ý xứ, Pháp xứ*)
- + Giới: 2 giới (*Ý thức giới, Pháp giới*)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (*Sắc uẩn*)
- + Xứ: 10 xứ
- + Giới: 16 giới

**23/ Các pháp trung bình yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 18 tâm vô nhân + 51 tâm tịnh hảo Hiệp thể + 38 tâm sở + 28 sắc pháp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (*Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn*)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**24/ Các pháp bất định yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 12 tâm BT (trừ đồng lực thứ 7 của 4 tâm tham tà kiến và đồng lực thứ 7 của 2 tâm sân) + 17 tâm thiện Hiệp thể (8 tâm thiện DG, 9 tâm thiện đáo đại) + 36 tâm quả (15 tâm quả VN, 8 tâm quả thiện DGTH, 9 tâm quả đáo đại, 4 tâm quả ST) + 20 tâm duy tác (3 tâm duy tác VN, 8 tâm duy tác DGTH, 9 tâm duy tác đáo đại) + 52 tâm sở hợp + 28 sắc pháp + Niết bàn (là vô vi ngoại uẩn)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (*Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn*), Niết bàn là ngoại uẩn.
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**25/ Các pháp đang sanh yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 89 (121) tâm + 52 tâm sở hợp + 28 sắc pháp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (*Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn*).
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**26/ Các pháp chưa sanh yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 12 tâm bất thiện + 37 tâm thiện (8 tâm thiện DGTH, 9 tâm thiện đáo đại, 20 tâm Siêu thế) + 20 tâm duy tác + 52 tâm sở hợp + sắc Phi nghiệp (sắc tâm, quý tiết, vật thực)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 7 xứ (Sắc xứ, Thinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 8 giới (Sắc giới, Thinh giới, Khí giới, Vị giới, Xúc giới, Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 5 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

**27/ Các pháp sẽ sanh yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 52 tâm quả (15 tâm quả VN, 8 tâm quả thiện DGTH, 9 tâm quả đáo đại, 20 tâm quả Siêu thế) + 38 tâm sở hợp + sắc Nghiệp.**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn).
- + Xứ: 11 xứ (trừ Thinh xứ - sắc do tâm tạo)
- + Giới: 17 giới (trừ Thinh giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 1 xứ còn lại (Thinh xứ)
- + Giới: 1 giới còn lại (Thinh giới)

21.06.2024 - <https://www.facebook.com/100009875146564/videos/471902658713715>

**28/ Các pháp quá khứ; Các pháp vị lai; Các pháp hiện tại; Các pháp nội phần; Các pháp nội ngoại phần yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

**Các pháp quá khứ; Các pháp vị lai; Các pháp hiện tại: 121 tâm + 52 tâm sở + 28 sắc pháp**

**Các pháp nội phần: 121 tâm + 52 tâm sở + 28 sắc pháp**

**Các pháp nội ngoại phần: 121 tâm + 52 tâm sở + 28 sắc pháp**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn).
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**29/ Các pháp ngoại phần yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 121 tâm + 52 tâm sở hợp + 28 sắc pháp + Niết bàn**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)
- + Xứ: 12 xứ
- + Giới: 18 giới

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 0 xứ
- + Giới: 0 giới

**30/ Các pháp biết cảnh quá khứ, Các pháp biết cảnh vị lai yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- **Các pháp biết cảnh quá khứ:** 41 tâm Dục giới (KYM, 29 đồng lực DG, 11 Na cảnh), 2 tâm thông, 3 Thức VBX, 3 PTPPTX + 47 tâm sở hợp (trừ 3 GP, 2VLP)
- **Các pháp biết cảnh vị lai:** 41 tâm Dục giới (KYM, 29 đồng lực DG, 11 Na cảnh), 2 tâm thông + 50 tâm sở hợp (trừ 2VLP)

**Các pháp biết cảnh Quá khứ**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn).
- + Xứ: 2 xứ (Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**Các pháp biết cảnh Vị lai**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn).
- + Xứ: 2 xứ (Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 2 giới (Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 16 giới còn lại

**31/ Các pháp biết cảnh hiện tại, Các pháp biết cảnh Nội phần, Các pháp biết cảnh Ngoại phần, Các pháp biết cảnh Nội Ngoại phần yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP:**

- **Các pháp biết cảnh hiện tại:** 54 tâm Dục giới (NST, 3 ý giới, KYM, 29 đồng lực DG, 11 Na cảnh) + 2 tâm thông + 50 tâm sở hợp (trừ 2VLP)
- **Các pháp biết cảnh nội phần:** 54 tâm Dục giới (NST, 3 ý giới, KYM, 29 đồng lực DG, 11 Na cảnh) + 2 tâm thông + 3 thức VBX + 3 PTPPTX + 50 tâm sở hợp (trừ 2VLP)
- **Các pháp biết cảnh ngoại phần:** 54 tâm Dục giới + 15 tâm SG + 2 tâm thông + 3 KVBX + 40 tâm ST + 51 tâm sở hợp (trừ ts Lận)
- **Các pháp biết cảnh nội ngoại phần:** 54 tâm Dục giới + 2 tâm thông + 48 tâm sở hợp (trừ Tật, Lận, 2VLP)

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn (Thọ, Tướng, Hành, Thức uẩn).
- + Xứ: 2 xứ (Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 8 giới (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý giới, Ý thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn còn lại (Sắc uẩn)
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại

**28.06.2024**
<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/867976701842711>
<https://www.facebook.com/100009875146564/videos/336976766172736>

**32/ Các pháp Hữu kiến hữu đối chiếu yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: chính là cảnh Sắc**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn).
- + Xứ: 1 xứ (Sắc xứ)
- + Giới: 1 giới (Sắc giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại
- + Xứ: 11 xứ còn lại
- + Giới: 17 giới còn lại

**33/ Các pháp Vô kiến hữu đối chiếu yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 11 sắc thô gồm: 5 sắc thân kinh, Thinh, Khí, Vị, Xúc (đất, lửa, gió)**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 1 uẩn (Sắc uẩn).
- + Xứ: 9 xứ (trừ Sắc xứ, Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 9 giới (gồm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 4 uẩn còn lại
- + Xứ: 3 xứ còn lại (Sắc xứ, Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 9 giới còn lại (Sắc giới, 7 thức giới, Pháp giới)

**34/ Các pháp Vô kiến Vô đối chiếu yếu hiệp bất yếu hiệp bao nhiêu uẩn, xứ, giới?**

**CHI PHÁP: 121 tâm + 52 tâm sở + 16 sắc tế + Niết bàn**

**Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức uẩn), Niết bàn là ngoại uẩn.
- + Xứ: 2 xứ (Ý xứ, Pháp xứ)
- + Giới: 8 giới (7 thức giới, Pháp giới)

**Bất Yếu hiệp:**

- + Uẩn: 0 uẩn
- + Xứ: 10 xứ còn lại
- + Giới: 10 giới còn lại